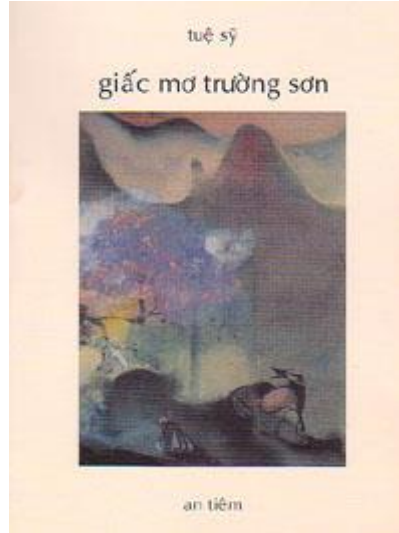


Độc: "Giấc Mơ Trường Sơn"

Thi tập của Tuệ Sỹ

Trần Đan Hà

---o0o---



.....

Người ở lại giữa lòng tay bạo chúa

Cọng lau gầy trấu nặng bóng tà dương !

(trích: Tôi Vẫn Đợi, trong Giấc Mơ Trường Sơn)



Đây là hình ảnh Thượng Tọa Tuệ Sỹ, thế danh Phạm Văn Thương sinh năm 1943, xuất gia tiểu đồng khi còn cư ngụ bên Lào. Thầy là một trí thức Phật giáo mà tâm thức và hành sự hướng về Dân tộc và Đạo pháp. Trước năm 1975, Thầy là Khoa trưởng Phật học Viện Đại Học Vạn Hạnh, tác giả nhiều cuốn sách biên khảo đặc sắc về Văn học, Triết học Trung Hoa, Thơ Tô Đông Pha, một số thơ, truyện và thơ dịch, đã đăng liên tiếp trên nhiều tạp chí Văn học tại Sài Gòn.

Tháng 3-1999, Hòa Thượng Huyền Quang đã gặp Hòa Thượng Quảng Độ và đề bạt Thượng Tọa Tuệ Sỹ làm Tổng thư ký Viện Hóa Đạo, thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Hai câu thơ trong bài Tôi Vẫn Đợi là hình ảnh bi tráng của một thực tại, ví như một cọng lau gầy, nhưng không gãy đổ trước gió đông bão loạn, vẫn đứng sừng sững với thiên thu. Với tấm lòng yêu quê cha đất tổ, nên Người quyết chí ở lại với quê hương. Cho dù phải ở lại giữa lòng tay bạo chúa!

Đây có thể là tâm sự chung của cả một thế hệ đồng cảnh ngộ đã phải lạc loài. Mang một tâm trạng xót xa cho vận nước; một hoài bão xoay chiều thế cuộc. Đang sống trong thực tại rối rắm và hoang mang, mọi lối thoát nằm ngoài, cách ly với chủ thể hiện thời nên tư tưởng đành bay ngoài "viễn mộng"....!

Vị Thiền sư đã mang một tâm hồn thi sĩ, nên thơ nở trên hai bình diện Trí tuệ thâm diệu của bậc đại hạnh, và một tấm lòng Từ Bi thơ mộng của nhân sinh.

Thi Nhân sinh trưởng trên dãy trường sơn của đất Thượng Lào, trong một giai đoạn (tạm gọi) là thanh bình. Nơi chốn núi rừng ấy đã hiến dâng cho Người những nguồn sống tươi mát và đẹp nhất; đã ghi lại trong lòng những thiết tha yêu mến muôn đời. Nhưng trong sự chuyên hóa của vô thường, vẫn ẩn dấu những chuyển biến của tan hợp:

Đôi mắt ướt tuổi vàng khung trời hội cũ

Áo màu xanh không xanh mãi trên đồi hoang ...

Hai câu thơ đầu của một tuyệt tác, có tựa là "Không Đê" (sau in vào thi tập đổi lại tựa "Khung Trời Cũ") một bài thơ mà cố Thi sĩ Bùi Giáng đã nhận xét: "*Chỉ một bài thơ, Tuệ Sỹ đã trùm lấp hết chân trời mới cũ từ Đường Thi Trung Hoa tới Siêu Thực Tây Phương.*" (trích Đi Vào Cõi Thơ của Bùi Giáng, viết về Thầy Tuệ Sỹ).

Tâm cảnh ấy đẹp biết bao, vì đã chan chứa một thời hoa mộng. Nơi chốn bao dung cho những tấm lòng chân nguyên; chở che cho con người chưa hề biết đến hệ lụy của cuộc đời. Vì thế mà Người thấy mến yêu như chưa bao giờ... Lòng yêu mến quê hương và những kỷ niệm tuổi thơ đã trải dài từ núi lạnh đến biển trời mê mông, còn mãi ghi khắc như những hạt muối đó chưa tan. Để biến thành một chí khí kiên cường trước tất cả những sức mạnh của bạo lực. Nên Người đã thể hiện tinh thần vô úy với hùng khí chất ngất, đã sống ngạo nghễ giữa lòng dân tộc. Khi thấy vận nước thăng trầm thì Người cũng dần thân vào con đường của Kẻ Sĩ. Cất cao tinh thần bất khuất, để mong sao cho đất nước được thoát khỏi vòng trầm luân khổ nạn. Đứng trước cảnh đất nước suy vong ấy, Người cũng đã một lần "cởi áo cà sa khoác chiến bào". Chiến bào ở đây là sử dụng Trí Tuệ và lòng Từ Bi của đấng Như Lai, mong xoay vận nước thăng trầm trở lại thăng bình. Nhưng bạo quyền không thấy được, nên đã giáng xuống Người những bản án bất nhân! (năm 1979 đến năm 1981, Người bị bạo quyền cộng sản nhốt tù. Rồi đến năm 1984 bị bắt lại, sau đó bị ra tòa với bản án tử hình). Được các tổ chức của thế giới như Ủy Ban Nhân Quyền, Văn Bút Quốc Tế... can thiệp, nên án được giảm xuống 20 năm cầm cố! đến 02 tháng 9 năm 1998, Thầy được trả tự do sau 14 năm khổ sai.

Thầy Tuệ Sỹ không những là một lãnh tụ Phật Giáo Việt Nam khả kính, một học giả uyên bác về Triết Học Đông Tây, về Phật Giáo Nguyên Thủy và Đại Thừa, Thầy còn mang một tâm hồn nghệ sĩ trong thế giới thi ca âm nhạc: làm thơ, thổi sáo, đánh dương cầm và vĩ cầm...

Thầy Tuệ Sỹ làm thơ rất nhiều, nhưng chỉ lưu lại với bản thảo mà thôi. Sau này Ni cô Tuệ Hạnh thu nhặt lại một số thơ của Thầy in thành thi tập "**Ngục Trung Mị Ngử**" do Quảng Hương Tùng Thư xuất bản. Với thi tập này, thơ Thầy làm hầu hết là thơ bằng chữ Hán. Cảm động nhất là bài thơ Cúng Dương:

*Phụng thờ ngục tù phạm
Cúng dương Tồi Thắng Tôn
Thế gian trường huyết hận
Bình bát lệ vô ngôn.*

Thượng Tọa Viên Lý dịch như sau:

*Hai tay nâng chén cơm tù
Dâng lên từ phụ bậc thầy nhân thiên
Thế gian huyết hận triền miên
Bưng bình cơm độn lệ yên lệ trào.*

Đến thi tập "**Giác Mơ Trường Sơn**", (nhà xuất bản An Tiêm, San Jose, California, 2002.) cũng góp nhặt như thế. Thi tập này được kết hợp bởi các tập thơ mỏng của bản thảo như :

- Phương Trời Viễn Mộng có 9 bài thơ
- Giác Mơ Trường Sơn gồm 29 bài thơ
- Tĩnh Tọa gồm 9 bài thơ
- Tĩnh Thất gồm 32 bài thơ

Tuy nhiên, trong các tập Tĩnh Tọa và Tĩnh Thất, với một tựa đề nhưng gồm nhiều bài thơ được đánh dấu 1-2-3.như "Trúc và Nhện" lại có đến 5 bài thơ...

Hai tập đầu (Phương Trời Viễn Mộng làm trước năm 1975, và Giác Mơ Trường Sơn, làm từ 1975 đến 80) thuộc loại thơ diễn tả những suy tư về thân phận con người, về cảnh vô thường của tạo hóa, về vận nước thăng trầm, về lòng ái quốc và tinh thần dần thân của kẻ sĩ...

Còn hai tập sau (Tĩnh Tọa, làm từ 1983 đến 2000, và Tĩnh Thất, làm từ 2000 đến 2001) phần lớn là những bài thơ rất cô đọng, được sử dụng ngôn ngữ siêu thực hòa với ngôn ngữ cổ phong hiện thực, tạo thành những hình ảnh kỳ ảo riêng tây. Mà bóng dáng của những hình ảnh ấy ảo hóa đến vô cùng.

Chúng ta hãy thưởng thức các thể thơ:

1) Thể thơ như loại thơ Heiku của Nhật.

Bài số 7 (trong Tĩnh Thất)
*Trời cuối thu se lạnh
Chó giõn nắng bên hè
Nắng chợt tắt
Buồn lê thê.*

2) Thể thơ Ngũ Ngôn Tứ Tuyệt:

Buổi Sáng Tập Viết Chữ Thảo.
*Sương mai lịm khói trà
Gió lạnh vuốt tờ hoa
Nhè nhẹ tay nâng bút
Nghe lòng rộn âm ba.*
Sài Gòn 80

3) Thể thơ Lục Bát:

Phố Trưa. (toàn bài)
*Phố trưa nắng đỏ cờ hồng
Người yêu cát bụi đời không tự tình
Sầu trên thế kỷ điêu linh
Giấc mơ hoang đảo thu hình tịch liêu
Hận thù sôi giữa ráng chiều
Sông tràn núi lở nước triều mênh mông
Khói mù lấp kín trời đông
Trời ơi, tóc trắng rũ lòng quê cha
Con đi xào xạc tiếng gà
Đêm đêm trông bóng thiên hà buồn tênh.
Đời không cát bụi chung tình
Người yêu cát bụi quê mình là đâu ?
N.Tr 4-1975*

4) Thể thơ Tự Do:

Bài Ca Cuối Cùng. (toàn bài)
*Chim trời xếp cánh
Hát vu vơ mấy tiếng trong lòng;
Nhớ mãi rừng cây thăm thẳm
Ủ tâm tư cho hạt thóc cay nồng
Rát bỏng với nỗi hờn khổ nhục
Nó nhin ăn
Rồi chết gục.*

*Tôi đã hát những bài ca phố chợ:
Người ăn mày kêu lịch sử đi lui;
Chàng tuổi trẻ cụt chân từ chiến địa
Vỡ lẽ đường đoán mộng tương lai.*

*Lộng lẫy chiếc lồng son
Hạt thóc căng nỗi hờn
Giữa tường cao bóng mát
Âm u lời ca khổ nhục
Nó nhin ăn
Và chết.*

*Tôi đã hát bài ca của suối:
Gã anh hùng bẻ vụn mặt trời,
Gọi quý sứ từ âm ty kéo dây,
Ngập rừng xanh lấp lánh ma trôi.*

*Đêm qua chiêm bao ta thấy máu
Từ sông Ngân đổ xuống cõi người
Bà mẹ xoi tìm con thành lỗ
Móc bên trong hạt ngọc sáng ngời*

*Lông son hạt cơm trắng
Cánh nhỏ run uất hận
Tiếng hát lịm tắt dần
Nó đi về vô tận.*

5 Thể thơ 8 Chữ:

*Tôi Vẫn Đợi. (toàn bài)
Tôi vẫn đợi những đêm dài khắc khoải
Màu xanh xao trong tiếng khóc ven rừng
Trong bóng tối hận thù, tha thiết mãi
Một vì sao bên khóm miêng rung rung
Tôi vẫn đợi những đêm đen lặng gió
Màu đen tuyền ánh mắt tự ngàn xưa
Nhìn hun hút cho dài thêm lịch sử
Dài con sông tràn máu lệ quê cha
Tôi vẫn đợi suốt đời quên sống vô
Quên những người xuôi ngược Thái Bình Dương
Người ở lại giữa lòng tay bạo chúa
Cọng lau gãy trĩu nặng ánh tà dương
Rồi trước mắt ngục tù thân bé bỏng
Ngón tay nào gõ nhịp xuống tường rêu
Rồi nhắm mắt ta đi vào cõi mộng
Như sương mai, như ánh chớp, mây chiều.
(trích Giác Mơ Trường Sơn)*

Những bài thơ trích dẫn trên đây, chỉ với mục đích giới thiệu các "thể, loại thơ" mà thôi. Cũng như hai bài thơ "Bài ca Cuối Cùng" và "Tôi Vẫn Đợi" cả hai chưa phải là những bài thơ đẹp nhất, tuyệt tác nhất của thi phẩm. Nhưng theo chủ quan, thì hai bài thơ này đại biểu cho hành trạng dân thân cứu nước của Thầy. Nói lên tấm lòng mến yêu Dân tộc và Đạo pháp trên tất cả. Thơ diễn tả cô đọng lại một giai đoạn lịch sử nước nhà. Chỉ qua một vài đường nét... Có thể hiểu là những bài thơ "Ngụ Ngôn" cũng được; hay có thể hiểu là thơ hiện thực cũng không sao. Vì hình ảnh phác họa ấy, sau năm 1975 chúng ta ai cũng đã biết. Hơn hai mươi triệu đồng bào miền Nam, trong tháng tư năm ấy cũng như: "*Chim trời xé cánh. Hát vu vơ mấy tiếng trong lồng*". Chiếc lồng (dù là lồng son) cũng là chốn tù ngục của loài chim, cho nên vẫn nhớ đến bầu trời bao la, nhớ mãi rừng cây xanh thắm... thì chẳng khác gì dân chúng tại thành phố Sài gòn (nói riêng) cũng đã hát như chim:

*Tôi đã hát những bài ca phố chợ:
Người ăn mày kêu lịch sử đi lui;
Chàng tuổi trẻ cụt chân từ chiến địa
Vỡ lẽ đường đoán mộng tương lai.
(Bài Ca Cuối Cùng)*

Thế cho nên tôi vẫn đợi đã mở ra một sinh lộ mới cho tương lai Việt Nam. Vì hiện tại vừa tan tác, quê hương còn điêu tàn, thảm cảnh chiến tranh tuy đã chấm dứt, nhưng hận thù thì vẫn còn tiếp diễn. Câu thứ hai của đoạn thơ trên, phải chăng là nỗi khủng hoảng tột cùng của biến chuyển thán tư đen? Nên người ăn mày cũng đang thán thốt kêu gọi lịch sử hãy đi lui? để được thấy cảnh "thanh bình" trong "tao loạn", để được thấy lại cái dĩ vãng tuy không như ý, nhưng cũng còn được chút hơi thở tự do!

Sau 28 năm qua đi, nhưng cảnh ấy bây giờ ở Sài Gòn có còn không nhỉ? Hay mỗi ngày tình cảnh còn bị đát thêm hơn, khi nỗi tuyệt vọng vẫn kéo dài mãi ra. Khiến cho niềm chờ cứ vẫn ngày thêm khắc khoải.

Hay vẫn còn cảnh:

*Đêm qua chiêm bao ta thấy máu
Từ sông Ngân đổ xuống cõi người
Bà mẹ xoi tìm con thành lỗ
Móc bên trong hạt ngọc sáng ngời.*
(Bài Ca Cuối Cùng)

Những bài thơ trích đăng trên đây hầu hết là thơ Thầy làm ở trong tù, cho nên giá trị văn học có thể bị giới hạn. Tuy nhiên, nếu nghĩ đến sự hy sinh của một bậc tu hành, thì những bài thơ này đã nói lên tất cả tinh thần muốn vinh danh, muốn suy tôn những tấm lòng "phụng hiến"! Như bài thơ Tôi Vẫn Đợi, đã thể hiện lòng son sắt với lý tưởng, ý chí quyết tâm của con đường Thầy đã và đang đi cho tương lai của dân tộc Việt Nam:

*Tôi vẫn đợi những đêm đen lặng gió
Màu đen tuyền ánh mắt tự ngàn xưa
Nhìn hun hút cho dài thêm lịch sử
Dài con sông tràn máu lệ quê cha.*
(Tôi Vẫn Đợi)

Cuộc chiến huynh đệ tương tàn giữa hai miền Nam-Bắc Việt Nam đã trải dài, xương đã chất thành núi, máu đã chảy thành sông. Trong đó Phật giáo đã đóng góp rất nhiều công sức, kể cả máu xương để chống lại ngoại xâm bảo toàn đất tổ, thế mà Phật giáo chẳng được một phần thưởng nào cả. Trái lại còn bị chính quyền Cộng sản ngược đãi, đàn áp sau khi thôn tính miền Nam! Đến bây giờ sau hơn bốn mươi năm chấm dứt chiến tranh, nhưng vết thương cũ chẳng những chưa lành hẳn, mà còn tạo thêm vết thương mới, khi lương tâm con người bị che lấp bởi hận thù và phân hóa. Gần đây, chính quyền Cộng sản đã phải thú nhận: "Buổi đầu có thiếu sót, có nhiều sai trái...!" Như vậy, công cuộc đấu tranh của Phật giáo đã có chính nghĩa. Và, trong suốt thời gian bị đàn áp, Phật giáo chỉ đấu tranh trong thâm lặng, dùng lời ái ngữ để kêu gọi sự quan tâm của chính quyền. Nhờ vậy mà được sự ủng hộ của thế giới.

"Tôi Vẫn Đợi", phải chăng là đợi một ngày vết thương cũ được hàn gắn, hay đợi một ngày mà giang san gấm vóc của dân tộc Việt không còn sâu một đực khoét, người người không còn phân ly, được sống trong tự do và hạnh phúc...

Và, một trong những người chờ đợi ấy là Thượng Tọa Tuệ Sỹ, vị Tu Sĩ có đủ khả năng và đức hạnh đại diện cho Phật giáo và Dân tộc Việt Nam, với thành tích của một người tù lương tâm, với bản án tử hình năm 1988 và trên 14 năm ngục tù lao lung... nên Thầy vẫn sẵn sàng:

.....
**Người ở lại giữa lòng tay bạo chúa
Cộng lau gầy trĩu nặng bóng tà dương !**

Trần Đan Hà

www.vietnamvanhien.net